

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 12/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 24/6/2019

V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Văn Vinh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ngự

2. Ông Lâm Ngọc Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Quốc Thanh, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành: Bà **Huỳnh Mộng Kiều** – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2019/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 03 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 09/5/2019; **Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2019/QĐST- HNGĐ ngày 28/5/2019; giữa các đương sự:**

1. *Nguyên đơn:* Bà Lưu Thị Hồng L, sinh năm 1979 (*có mặt*).

Địa chỉ số: 406, ấp Phước P, xã Phú T, huyện Châu T, tỉnh Sóc T.

2. *Bị đơn:* Ông Đinh Quốc A, sinh năm 1979 (*vắng mặt*).

Địa chỉ số: 406, ấp Phước P, xã Phú T, huyện Châu T, tỉnh Sóc T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/02/2019, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Lưu Thị Hồng L, trình bày:

Bà và ông A kết hôn năm 2011, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 09/10/2015.

Thời gian đầu bà L và ông A chung sống hòa thuận, hạnh phúc, đến tháng 8/2012 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông A không lo làm ăn, cờ bạc ăn nhậu, bạo lực gia đình, chửi bà lời lẽ thô tục, từ đó dẫn đến bất đồng quan điểm sống.

Từ tháng 8/2012 đến nay ông, bà đã ly thân, mỗi người sống mỗi nơi, không ai quan tâm đến ai.

Nay bà L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa. Vì vậy bà L làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông A.

Về con chung: Bà bà L khai vợ chồng có 01 con chung tên:

Đình Quốc T, sinh ngày 05/10/2012.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông A được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên Tòa, nhưng ông A đều vắng mặt, nên Hội đồng xét xử xét áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử **vắng mặt ông.**

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông A là quan hệ hợp pháp. Qua quá trình chung sống do hai bên bất đồng về quan điểm sống, không quan tâm đến nhau, nên dẫn đến va chạm, mâu thuẫn, mất lòng tin với nhau. Bà L xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, được cha mẹ hai bên đã khuyên giải nhưng không có kết quả. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông A đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà L xin ly hôn là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà L có nguyện vọng được nuôi một con chung. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Xét thấy, ông A từ khi thụ lý, hòa giải cũng như tại phiên Tòa hôm nay đều vắng mặt, không có ý kiến trình bày gì đối với việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Từ khi phát sinh ra đến nay bà L là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đình Quốc T, hiện nay bà L cho cháu T học lớp 01A2, Trường tiểu học Phú Tân A. Còn bà L là công nhân doanh nghiệp bánh pía Tân Huê Viên, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, thu nhập bình quân 6.000.000đ/ tháng đảm bảo điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng cháu T, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, có căn cứ để chấp nhận nguyện vọng của bà L, giao cháu: Đình Quốc T, sinh ngày 05/10/2012, cho bà L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

[6] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 án phí và lệ phí Tòa án bà L phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân.

[8] **Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.**

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lưu Thị Hồng L đối với bị đơn Đình Quốc A về việc "tranh chấp ly hôn và nuôi con", nguyên đơn Lưu Thị Hồng L được ly hôn với bị đơn Đình Quốc A; giao cho nguyên

đơn trực tiếp nuôi dưỡng một con chung tên: Đình Quốc T, sinh ngày 05/10/2012, và bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị Hồng L.

- *Về hôn nhân:* Bà Lưu Thị Hồng L được ly hôn với ông Đình Quốc A.

- *Về con chung:* Giao con chung tên: Đình Quốc T, sinh ngày 05/10/2012, cho bà L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Bà L không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Ông Đình Quốc A được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- *Về tài sản chung:* Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- *Về nợ chung:* Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- *Án phí hôn nhân sơ thẩm:* Bà Lưu Thị Hồng L phải chịu 300.000đ, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 300.000đ, theo biên lai thu tiền số 0006777, ngày 27/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành; bà L đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện CT;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- cơ quan đang ký kết hôn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Võ Văn Vinh

